

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 692/TTr-TNMT ngày 06/11/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Mekai Chemical Việt Nam địa chỉ trụ sở chính tại Một phần Lô CN-03 (CN-03.4), khu công nghiệp Tân Hưng, xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án nhà máy Mekai Chemical (Việt Nam)” tại Một phần Lô CN-03 (CN-03.4), khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Dự án nhà máy Mekai Chemical (Việt Nam).

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam).

1.3. Địa điểm hoạt động: Một phần Lô CN-03 (CN-03.4), khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400964732 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang đăng ký lần đầu ngày 06/6/2023, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 15/6/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9806578124 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 05/6/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 03/10/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400964732

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất hóa chất cơ bản, chi tiết: Sản xuất các loại hóa chất dùng cho ngành sản xuất điện tử, xây dựng, công nghiệp, dân dụng.

1.7. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Một phần Lô CN-03 (CN-03.4), khu công nghiệp Tân Hưng, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với diện tích 10.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình.

+ Sản xuất các loại hóa chất dùng cho ngành sản xuất điện tử, xây dựng, công nghiệp, dân dụng với tổng công suất 4.750 tấn/năm. Cụ thể:

++ Muối Tolyltriazol (CAS: 29385-43-1): 2.000 tấn/năm;

++ Muối Benzotriazol (CAS: 95-14-7): 1.000 tấn/năm;

++ Muối Tolyltriazole sodium (CAS: 64665-57-2): 300 tấn/năm;

++ Muối Chlorotolyltriazol sodium (CAS: 202420-04-0): 200 tấn/năm;

++ Natri sunfat (Sodium sulphate): 1.000 tấn/năm;

++ Hợp chất xử lý nước: 250 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND huyện Lạng Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án nhà máy Mekai Chemical (Việt Nam)” tại Một phần Lô CN-03 (CN-03.4), khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) làm chủ dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1011/QĐ-TNMT ngày 10/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án nhà máy Mekai Chemical (Việt Nam)” tại Một phần Lô CN-03 (CN-03.4), khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Xương Lâm, Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh của dự án được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm của dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (riêng các chỉ tiêu Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd) được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A), sau đó được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Hưng (do Công ty cổ phần LIDECO 1 xây dựng, quản lý và vận hành) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra nguồn tiếp nhận (theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải số 2510/2023/HĐXLNTLDC1&MEKAI đã ký ngày 25/10/2023 giữa Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) và Công ty cổ phần LIDECO 1); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

\* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn (gồm 02 bể: 01 bể thể tích 3m<sup>3</sup> tại vị trí gần nhà để xe và 01 bể thể tích 7m<sup>3</sup> tại khu vực nhà văn phòng), sau đó nước thải được thu gom bằng đường ống uPVC D140 với tổng chiều dài khoảng 7,2m đấu nối về hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp sau khi được thu gom, xử lý qua bể tách mỡ (thể tích 2m<sup>3</sup> tại khu vực nhà ăn), sau đó nước thải được thu gom bằng đường ống uPVC D140 với tổng chiều dài khoảng 1,2m đấu nối về hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.

Hệ thống thu gom nước thải của cơ sở là hệ thống ống nhựa uPVC D140 với tổng chiều dài khoảng 178m dẫn nước thải về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

\* Nước thải sản xuất:

Tất cả nước thải sản xuất phát sinh từ 13 nguồn của dự án được thu gom qua các đường ống nhánh HDPE D32-D65-D90 với tổng chiều dài 196,4m, sau đó đầu nối vào các đường ống thu gom nước thải sản xuất chung và đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm; cụ thể các đường ống thu gom nước thải chung như sau:

- Đường ống thu gom nước thải chung HDPE D140, L=65m thu gom nước thải từ 03 nguồn sau về bể gom số 02 của hệ thống xử lý nước thải: từ bình tách nước dung dịch TTA/BTA thô; từ quá trình rửa bình axit hóa của quy trình sản xuất muối Tolyltriazole (TTA), muối Benzotriazole (BTA) và muối Natri sunfat (Na<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>); từ phòng thí nghiệm.

- Đường ống thu gom nước thải chung HDPE D90, L=34m thu gom nước thải từ 02 nguồn sau về bể gom số 02 của hệ thống xử lý nước thải: từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu; từ hệ thống xử lý khí thải bình axit hóa.

- Đường ống thu gom nước thải chung HDPE D90, L=22m thu gom nước thải từ 08 nguồn sau về bể gom số 03 của hệ thống xử lý nước thải: từ bình ngưng tụ sau bình nồng độ Na<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>; từ quá trình rửa bình trộn của quy trình sản xuất muối Tolyltriazole sodium; từ quá trình rửa bình trộn của quy trình sản xuất muối Chlorotolyltriazol sodium; từ quá trình rửa bình trộn của quy trình sản xuất chất chống cấu cặn ăn mòn chuyên dụng cho nhà máy điện MK-604; từ quá trình rửa bình trộn của quy trình sản xuất chất chống cấu cặn và ăn mòn MK-619; từ quá trình rửa bình trộn của quy trình sản xuất Chất diệt nấm mạnh MK-402; từ quá trình rửa bình trộn của quy trình sản xuất chất chống cấu cặn ăn mòn không chứa phot pho thân thiện với môi trường MK-907; từ quá trình rửa bình trộn của quy trình sản xuất chất chống ăn mòn thép carbon MK-602.

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo đường ống uPVC D140 chiều dài 116m đưa về hố ga, sau đó đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Hưng qua 01 điểm đầu nối.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 30m<sup>3</sup>/ngày đêm:

Nước thải sản xuất → Bể thu gom nước thải sản xuất (03 bể) → Bể điều hoà nước thải → Bể oxi hóa nâng cao → Bể kết hoặc tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí (Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, bể tách mỡ, qua bể thu gom nước thải sinh hoạt được đưa về Bể thiếu khí xử lý cùng nước thải sản xuất) → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải của dự án → Hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Tân Hưng, huyện Lạng Giang (*Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp Tân Hưng*).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ hóa lý kết hợp sinh học.

- Công suất thiết kế: 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Axit Sunfuric ( $H_2SO_4$ ) nồng độ 98%: 15 lít/ngày.

+ Sút vảy NaOH 99%: 15 kg/ngày.

+ Sắt Sunfat  $FeSO_4$  (dạng bột): 20 kg/ngày.

+ Hydro peroxide ( $H_2O_2$ ) (dung dịch lỏng): 20 lít/ngày.

+ Polymer (dạng hạt): 2 kg/ngày.

+ Metanol ( $CH_3OH$ ) (dung dịch lỏng): 3 lít/ngày.

+ Javel – Khử khuẩn ( $NaClO$ ) (dung dịch lỏng): 1,5 lít/ngày.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và từng công trình đơn vị. Trong đó, ngoài các số liệu về mặt kỹ thuật, còn cần chỉ rõ lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

- Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý.

- Công nhân có kinh nghiệm trong vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra;

- Vận hành hệ thống đúng quy trình;

- Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng.

- Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; Theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; Ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sẽ báo ngay cho cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lưới thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống xử lý nước thải.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì còn lại sẽ lại việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể điều hòa, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được không chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí

cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

+ Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.

+ Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.

+ Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà đưa ra phương án sửa chữa máy bơm kịp thời. Trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Các sự cố về sinh khối:

+ Sinh khối nổi lên mặt nước: Kiểm tra tải lượng hữu cơ, các chất ức chế

+ Sinh khối phát triển tản mạn: Thay đổi tải lượng hữu cơ, DO. Kiểm tra các chất độc để áp dụng biện pháp tiên xử lý hoặc giảm tải hữu cơ.

+ Sinh khối tạo thành hỗn hợp đặc: Tăng tải trọng, oxy, ổn định pH thích hợp, bổ sung chất dinh dưỡng.

- Tiến hành xử lý nhanh chóng sự cố xảy ra để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, chủ dự án sẽ đề xuất giải pháp thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý.

- Đối với sự cố nước thải sau lắng hóa lý có độ đục cao, còn nhiều bông cặn lơ lửng: có thể khắc phục bằng cách tăng thời gian tiếp xúc giữa hóa chất và nước thải trong khoảng thời gian thích hợp.

- Đối với sự cố nước thải sau lắng hóa lý có màu vàng: có thể khắc phục bằng cách sử dụng liều lượng nồng độ hóa chất phù hợp.

- Đối với sự cố nước thải đầu vào chứa hàm lượng axit và muối hòa tan cao: nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên lấy mẫu nước thải đầu vào kiểm tra nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải tại phòng thí nghiệm của công ty. Khi phát hiện nồng độ axit và muối hòa tan trong nước thải cao, phải điều chỉnh liều lượng và nồng độ hóa chất để đảm bảo xử lý triệt để.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm:



Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại bể gom nước thải sinh hoạt số 1	Nhiệt độ, màu, pH, BOD5, Chất rắn lơ lửng COD, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), tổng Nitơ, tổng Phốt pho (tính theo P, Sunfua, Coliforms.	Lấy mẫu 1 lần. Thời gian dự kiến như sau: Trong tháng 4/2025	QCVN 40: 2011/BTNM T cột B
	01 vị trí tại bể gom nước thải sản xuất số 02; 01 vị trí tại bể gom nước thải sản xuất số 03;	Nhiệt độ, màu, pH, BOD5, Chất rắn lơ lửng COD, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Sunfua, Clorua, tổng Phenol, tổng Nitơ, tổng Phốt pho (tính theo P, Sunfua, Coliforms.		
2	01 vị trí tại điểm xả nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.	Nhiệt độ, màu, pH, BOD5, Chất rắn lơ lửng COD, Tổng dầu mỡ khoáng, Amoni (tính theo N), Sunfua, Clorua, tổng Phenol, tổng Nitơ, tổng Phốt pho (tính theo P, Sunfua, Coliforms.	1 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày. Thời gian dự kiến như sau: Trong tháng 4/2025	

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp

ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Tân Hưng. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** có 02 nguồn phát sinh khí thải.

- Nguồn số 01: Khí thải từ bình axit hóa.
- Nguồn số 02: Khí thải lò dầu.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

2.1. Dòng khí thải: Có 2 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải từ bình axit hóa.
- Dòng khí thải số 02: Khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu.

2.2. Vị trí xả khí thải: Có 2 vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^0$ , múi chiều  $3^0$ )

- Vị trí 01: Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải từ bình axit hóa, tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2361172.542; Y= 425929.473.
- Vị trí 02: Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu, tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2361160.960; Y= 425956.345.

2.3. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 21.500m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 516.000m<sup>3</sup>/ngày, gồm:

- Dòng khí thải số 01: 3.500 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 84.000 m<sup>3</sup>/ngày.
- Dòng khí thải 02: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 432.000 m<sup>3</sup>/ngày.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng từng dòng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

- Khí thải từ bình axit hóa:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Dự án không

2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2, điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
3	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	
4	NO <sub>x</sub> , (cơ sở sản xuất hóa chất), tính theo NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	
5	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> , tính theo SO <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	50	

- Khí thải lò dầu:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2, điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	
3	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	
4	NO <sub>x</sub> , tính theo NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải từ bình axit hóa được thu gom bằng ống nhựa mềm PP D125mm với tổng chiều dài L= 20m thu gom khí thải tập trung vào đường ống dẫn khí chung bằng PP D350, L= 2m, sau đó dẫn về hệ thống xử lý khí thải công suất 3.500 m<sup>3</sup>/giờ, khí thải sau khi xử lý được quạt hút (công suất: 3Kw, lưu lượng khí hút: 3.500 m<sup>3</sup>/giờ) đưa ra ngoài môi trường qua ống khói bằng nhựa PP D350, chiều cao 6m.

- Khí thải từ lò dầu được thu gom bằng đường ống thép D640, L=2m thu

gom khí thải về hệ thống xử lý bụi, khí thải lò dầu công suất 18.000 m<sup>3</sup>/giờ, khí thải sau khi xử lý được quạt hút (công suất: 30Kw, lưu lượng khí hút: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ) đưa ra ngoài môi trường qua ống khói bằng thép D640, chiều cao 18m.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

\* Hệ thống xử lý khí thải bình axit hóa:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Tháp hấp thụ bằng dung dịch Urê → Quạt hút → Ống khói. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 3.500 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Dung dịch Ure (NH<sub>2</sub>)<sub>2</sub>CO, nồng độ 32,5%. Khối lượng sử dụng ure dạng rắn là 400 kg/năm.

+ Dung dịch NaOH, nồng độ 20%. Khối lượng sử dụng NaOH dạng bột 250 kg/năm.

\* Hệ thống xử lý khí thải lò dầu:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống dẫn khí → Cyclon lọc bụi khô → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Quạt hút → Ống khói. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, nồng độ 20%. Khối lượng sử dụng NaOH dạng bột là 1.200 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

### 1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành hệ thống theo hướng dẫn của nhà cung cấp thiết bị;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế hệ thống xử lý bao gồm quạt hút, béc phun hóa chất, bơm hóa chất, đường ống thu gom, thoát khí,...;

- Dự trữ đủ lượng hóa chất phục vụ cho quá trình hoạt động của hệ thống xử lý;

- Định kỳ 3 tháng/lần sẽ tiến hành bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống xử lý khí để phát hiện các lỗi hỏng hóc và có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải dẫn tới tình trạng khí thải trực tiếp ra môi trường, cần ngừng ngay hoạt động nhà máy, sau đó tiến hành sửa chữa, khi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật mới cho vận hành trở lại. Nếu có trường hợp

bị nhiễm độc cần đưa ngay đến cơ sở y tế gần nhất để có thể cấp cứu kịp thời.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải bình axit hóa công suất 3.500 m<sup>3</sup>/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải lò dầu công suất 18.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải bình axit hóa;
- 01 vị trí tại ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này*).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí sau Hệ thống xử lý khí thải bình axit hóa	Bụi tổng, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ), hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> (tính theo SO <sub>3</sub> )	1 ngày/1 lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày. Thời gian dự kiến như sau:	QCVN 19:2009/ BTNMT cột B
2	01 vị trí sau Hệ thống xử lý khí thải lò dầu	Bụi tổng, CO, SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	Tháng 4/2023	

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** từ hoạt động của máy móc sản xuất tại khu vực nhà xưởng số 1.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tại vị trí trung tâm xưởng khu vực nhà xưởng số 1, Tọa độ vị trí phát sinh (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>): X = 2361142.011; Y = 425930.370.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4 m/s <sup>2</sup>	1,4 m/s <sup>2</sup>	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Gia cố móng/bệ máy và lắp đặt các đệm chống rung cho các thiết bị rung, ồn lớn;

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ; - Xây tường chắn và lắp các ván tiêu âm tại những khu vực có độ ồn cao như khu vực máy bơm, quạt cao áp,...;

- Những nơi điều hành sản xuất được cách ly riêng.

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý;

- Các quạt công nghệ chính được trang bị thiết bị có đo độ rung để giám sát độ rung của quạt;

- Tổ chức làm việc theo ca để giảm tác động của tiếng ồn đối với cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy.

- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su hoặc xốp cho các thiết bị nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Trang bị thiết bị tránh tiếng ồn cho công nhân làm việc tại những bộ phận gây ồn (bịt tai chống ồn).

- Trồng cây xanh tại khu vực tuyến đường trục chính, dọc vỉa hè các tuyến đường nội bộ để hạn chế tiếng ồn phát tán, đồng thời tạo cảnh quan môi trường.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.



**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Tạp chất thải từ quy trình sản xuất muối Tolyltriazole (TTA), muối Benzotriazole (BTA) và muối Natri sunfat ( $\text{Na}_2\text{SO}_4$ )	Rắn	03 07 05	124.940,4
2	Muối $\text{Na}_2\text{SO}_4$ lẫn thành phần tạp chất cao thải bỏ	Rắn	03 07 05	819.999,6
3	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	3620
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	12
5	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	1.800
6	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	1.440
7	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	1.440
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	24
9	Dầu truyền nhiệt tổng hợp thải	Lỏng	17 03 04	1.440
10	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 05	1.200
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải	Bùn	12 02 02	60
	<b>Tổng lượng</b>			<b>955.976</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên loại chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy văn phòng	10

2	Bao bì hỏng, nhãn mác hỏng không nhiễm thành phần nguy hại	20
3	Pallet thải không nhiễm thành phần nguy hại	15
4	Tro xỉ lò dầu đốt củi	10.800
5	Tro bụi từ cyclone lọc bụi khô của hệ thống xử lý khí thải lò dầu	108
<b>Tổng</b>		<b>10.953</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 20 kg/ngày, tương đương 600 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, rau củ quả, vỏ trái cây, bao bì nhựa, thủy tinh, ...

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải được thu gom định kỳ tại bể chứa bùn, bể chứa dung dịch hấp thụ, đáy tháp hấp thụ, không bố trí thùng chứa và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại.

Muối  $\text{Na}_2\text{SO}_4$  lẫn tạp chất được thu gom vào 8 thùng chứa có nắp đậy dung tích 1.000 lít/thùng (dung tích chứa 900 kg) bố trí tại khu vực sản xuất xưởng số 1, không lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại.

Tạp chất thải từ quy trình sản xuất muối Tolyltriazole (TTA), muối Benzotriazole (BTA) và muối Natri sunfat ( $\text{Na}_2\text{SO}_4$ ) được thu gom vào 8 thùng chứa có nắp đậy dung tích 200 lít/thùng (dung tích chứa 180 kg) bố trí tại kho chứa chất thải nguy hại.

Các loại chất thải còn lại lưu giữ vào 4 thùng chứa có dung tích 200 lít/thùng bố trí tại kho chứa chất thải nguy hại. Các thùng chứa được dán nhãn, phân loại chất thải nguy hại.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần, hoặc tùy vào tình hình sản xuất thực tế của công ty đảm bảo đáp ứng khả năng lưu chứa của kho).

#### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa 22 m<sup>2</sup>. Kho được bố trí bên trong nhà xưởng 01.

- Thiết kế cấu tạo: Kho có tường panel bao quanh, nền bê tông chống thấm, xung quanh bố trí rãnh (rộng 30cm, sâu 30cm) thu gom chất thải lỏng trong trường hợp tràn đổ.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 04 thùng chứa bằng nhựa dung tích 200 lít/thùng, có nắp đậy, để thu gom chất thải sản xuất, công nghiệp thông thường theo quy định. Khả năng lưu chứa: Thùng chứa 200 lít có thể chứa khoảng 180kg chất thải.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần, hoặc tùy vào tình hình sản xuất thực tế của công ty đảm bảo đáp ứng khả năng lưu chứa của kho).

#### 2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa 22m<sup>2</sup>. Kho được bố trí bên trong nhà xưởng 01.

- Thiết kế cấu tạo: Kho có tường panel bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

#### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

##### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 20 thùng chứa dung tích 10 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà bếp, nhà vệ sinh,... để thu gom, phân loại chất thải sinh hoạt theo quy định. Tại kho chứa bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng để tập kết rác thải sinh hoạt.

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 1 ngày/lần).

##### 2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 22 m<sup>2</sup>. Kho được bố trí bên trong nhà xưởng 01.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường panel bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /11/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Công ty TNHH Mekai Chemical (Việt Nam) có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (riêng các chỉ tiêu Chì (Pb), Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd) được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Lạng Giang trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 692/TTr-TNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.